

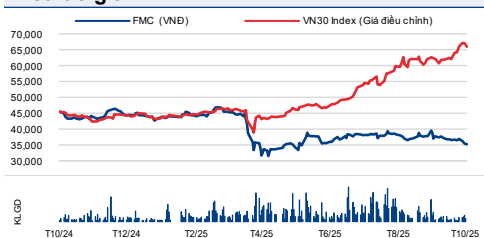
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ46,800
Tiềm năng tăng/giảm: 32.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/10/2025)	35,250
Mã Bloomberg	FMC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	31,548-46,849
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	35,570
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	2,305
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	87.5
Slg CP lưu hành (tr.đv)	65.4
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	32.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	12.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.9%
Tỷ lệ freefloat	25.0%
Cổ đông lớn	CT CP tập đoàn PAN (37.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	6,913	7,970	7,592
EBITDA đc (tỷ đồng)	546	469	531
LNTT (tỷ đồng)	422	398	462
LNT ĐC (tỷ đồng)	304	316	369
FCF (tỷ đồng)	487	(55.6)	220
EPS ĐC (đồng)	4,646	4,827	5,637
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000
BVPS (đồng)	33,151	35,978	39,615
T.trưởng EBITDA (%)	22.1	(14.2)	13.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	10.0	3.89	16.8
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.90	5.88	7.00
Tỷ suất LNTT (%)	6.10	4.99	6.09
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.39	3.96	4.86
Tỷ lệ LN trả CT (%)	43.0	41.4	35.5
Nợ thuần/VCSH (%)	(7.37)	4.66	(2.31)
ROAE (%)	14.5	14.0	14.9
ROACE (%)	15.4	12.2	13.8
EV/doanh thu (lần)	0.31	0.30	0.29
EV/EBITDA ĐC (lần)	3.90	5.12	4.20
P/E ĐC (lần)	7.59	7.30	6.25
P/B (lần)	1.06	0.98	0.89
Lợi suất cổ tức (%)	5.67	5.67	5.67

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FMC là doanh nghiệp xuất khẩu tôm lớn thứ 3 Việt Nam, tập trung vào phân khúc hàng chất lượng cao và chế biến sâu.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q3/2025: KQKD tích cực bất chấp tác động từ thuế đối ứng

- Doanh thu thuần của FMC trong Q3/2025 đạt 2.984 tỷ đồng, tăng 4,5% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận thuần đạt 97 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ. Doanh thu và lợi nhuận đều sát với dự báo của HSC.
- Lợi nhuận thuần tăng trưởng mạnh nhờ doanh thu vững chắc và lãi tỷ giá, trong khi tỷ suất EBIT giảm do thuế đối ứng tăng.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 5% trong 1 tháng và 8% trong 3 tháng qua, FMC đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới là 6,5 lần, thấp hơn 1,6 độ lệch chuẩn so với mức bình quân 9,1 lần kể từ tháng 1/2021.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

KQKD Q3/2025 của FMC tích cực và sát với dự báo của HSC. Doanh thu thuần đạt 2.984 tỷ đồng, tăng 4,9% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận thuần đạt 97 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần tăng 23,5% so với cùng kỳ đạt 6.851 tỷ đồng trong khi lợi nhuận thuần tăng 5,9% đạt 207 tỷ đồng, đạt lần lượt 86% và 66% dự báo cho cả năm 2025 của HSC và sát với dự báo của chúng tôi.

Doanh thu xuất khẩu tôm tăng 5% so với cùng kỳ

Trong Q3/2025, doanh thu xuất khẩu tôm đạt 2.943 tỷ đồng, tăng 5,1% so với cùng kỳ, đóng góp 99% tổng doanh thu. Mức tăng này được thúc đẩy bởi giá xuất khẩu bình quân tăng 15,7%, bù đắp phần nào cho sản lượng giảm 9,2%. Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu tôm tăng 24,2% so với cùng kỳ đạt 6.755 tỷ đồng, được hỗ trợ bởi sản lượng tiêu thụ tăng 13,3% và giá xuất khẩu bình quân tăng 10%.

Trong khi đó, doanh thu rau củ giảm mạnh 73,2% so với cùng kỳ trong Q3/2025 xuống 11,7 tỷ đồng, do sản lượng giảm 26,6% và giá xuất khẩu bình quân giảm 63%. Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu rau củ giảm 13,2% so với cùng kỳ xuống 96 tỷ đồng, do sản lượng giảm 24,5%, phần nào được bù đắp bởi giá xuất khẩu bình quân tăng 15%.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3 và 9 tháng đầu năm 2025, FMC

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	% sv cùng kỳ	9T24	9T25	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	2,845.1	2,983.6	4.9%	5,548.6	6,850.5	23.5%
Giá vốn hàng bán	2,537.4	2,565.2	1.1%	5,004.0	6,107.4	22.1%
Lợi nhuận gộp	307.7	418.3	36.0%	544.6	743.0	36.4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	10.8%	14.0%		9.8%	10.8%	
Lợi nhuận HĐ tài chính	(26.9)	28.7	N/m	6.1	77.7	1168.0%
Chi phí QL&BH	(190.0)	(339.0)	78.5%	(318.7)	(576.5)	80.9%
Chi phí QL&BH / doanh thu (%)	6.7%	11.4%		5.7%	8.4%	
Lợi nhuận HĐ	90.9	108.0	18.9%	232.1	244.2	5.2%
Thu nhập thuần khác	(0.1)	0.0	N/m	(0.2)	0.9	N/m
LNTT	90.8	108.0	19.0%	231.8	245.0	5.7%
Lợi nhuận thuần	79.6	97.2	22.0%	195.6	207.2	5.9%

Nguồn: FMC

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q3/2025 cải thiện nhờ tỷ trọng tôm tự nuôi tăng

Trong Q3/2025, lợi nhuận gộp tăng mạnh 36% so với cùng kỳ đạt 418 tỷ đồng, giúp tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên mức 14%, so với 10,8% trong Q3/2024 và 10,5% trong Q2/2025. Mức cải thiện này chủ yếu nhờ tỷ suất lợi nhuận mảng tôm tăng lên mức 13,7% (so với 10,7% cùng kỳ), nhờ tăng tỷ trọng sản lượng tôm tự nuôi - có chi phí thấp hơn tôm nguyên liệu mua ngoài.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 10,8% từ mức 9,8% cùng kỳ, nhờ giá xuất khẩu bình quân tăng 10%, bù đắp cho chi phí đầu vào tăng 8,5%.

Tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu tăng mạnh do thuế thương mại

Chi phí bán hàng trong Q3/2025 tăng 87,4% so với cùng kỳ lên 316 tỷ đồng, chủ yếu do phát sinh các khoản chi phí liên quan đến thương mại. Thuế chống bán phá giá (CBPG) và thuế chống trợ cấp lần lượt tăng 60,6% và 85% so với cùng kỳ lên 58 tỷ đồng và 43 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng doanh thu từ thị trường Mỹ. Ngoài ra, thuế đối ứng mới áp dụng từ ngày 9/7 (mức 20%) tương đương 166 tỷ đồng, đã tạo thêm gánh nặng đáng kể cho chi phí.

Trong khi đó, chi phí vận chuyển giảm 46,7% so với cùng kỳ xuống 49 tỷ đồng, chi phí lao động gần như đi ngang và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 7,5% lên 23 tỷ đồng.

Theo đó, tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu trong Q3/2025 là 11,4%, cao hơn so với mức 6,7% trong Q3/2024. Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/ doanh thu là 8,4%, cao hơn so với mức 5,7% trong 9 tháng đầu năm 2024.

Lợi nhuận tài chính tăng mạnh nhờ lãi tỷ giá

Lợi nhuận tài chính trong Q3/2025 đạt 29 tỷ đồng, đảo chiều so với mức lỗ 27 tỷ đồng trong Q3/2024, chủ yếu nhờ lãi tỷ giá thuần đạt 50 tỷ đồng (so với chỉ 2 tỷ đồng cùng kỳ) và chi phí lãi vay thuần giảm xuống 21 tỷ đồng (so với 29 tỷ đồng năm trước).

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận HĐ tài chính đạt 78 tỷ đồng (so với 6 tỷ đồng cùng kỳ), trong đó lãi tỷ giá thuần đạt 70 tỷ đồng (so với 10 tỷ đồng năm trước) và thu nhập lãi thuần đạt 8 tỷ đồng (so với chi phí lãi vay thuần 4 tỷ đồng năm trước).

Duy trì khuyến nghị Mua vào; giá mục tiêu và dự báo

HSC hiện dự báo lợi nhuận thuần cả năm đạt 316 tỷ đồng, bao gồm khoản hoàn thuế CBPG trị giá 42 tỷ đồng có thể được ghi nhận trong Q4/2025, giả định mức thuế CBPG cuối cùng là 4,58% cho đợt rà soát thứ 19 (năm 2023). Mức thuế CBPG sơ bộ theo đợt rà soát lần thứ 19 là 35,29% (công bố ngày 7/6), hiện đang chờ xem xét và quyết định cuối cùng vào cuối năm. Nếu mức thuế cuối cùng giữ nguyên như mức sơ bộ, FMC sẽ không nhận được khoản hoàn thuế 42 tỷ đồng như dự kiến và có thể phải nộp thêm khoảng 30 tỷ đồng, qua đó ảnh hưởng tiêu cực đến KQKD Q4 và cả năm 2025.

Sau khi giá cổ phiếu giảm 5% trong 1 tháng và 8% trong 3 tháng qua, FMC đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới là 6,5 lần, thấp hơn 1,6 độ lệch chuẩn so với bình quân kể từ tháng 1/2021 ở mức 9,1 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	5,087	6,913	7,970	7,592	8,507
Lợi nhuận gộp	493	752	762	787	886
Chi phí BH&QL	(201)	(388)	(448)	(399)	(434)
Thu nhập khác	0.99	(0.31)	2.15	0	0
Chi phí khác	(0.04)	(0.29)	(0.41)	0	0
EBIT	293	363	316	389	452
Lãi vay thuần	11.5	58.9	82.4	73.7	82.3
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	305	422	398	462	535
Chi phí thuế TNDN	(2.26)	(0.81)	(4.84)	(3.31)	(3.78)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(26.3)	(117)	(77.5)	(90.6)	(105)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	276	304	316	369	426
Lợi nhuận thuần ĐC	276	304	316	369	426
EBITDA ĐC	447	546	469	531	612
EPS (đồng)	4,222	4,646	4,827	5,637	6,519
EPS ĐC (đồng)	4,222	4,646	4,827	5,637	6,519
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	452	1,077	724	889	1,240
Đầu tư ngắn hạn	97.4	140	280	336	403
Phải thu khách hàng	492	370	530	548	545
Hàng tồn kho	1,000	1,002	1,196	1,215	1,244
Các tài sản ngắn hạn khác	86.4	51.3	98.3	93.0	90.7
Tổng tài sản ngắn hạn	2,127	2,641	2,827	3,081	3,523
TSCĐ hữu hình	942	855	793	741	672
TSCĐ vô hình	2.32	3.69	3.64	3.58	3.53
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	285	275	370	360	379
Tổng tài sản dài hạn	1,229	1,134	1,166	1,104	1,054
Tổng cộng tài sản	3,356	3,775	3,993	4,185	4,577
Nợ ngắn hạn	824	902	815	815	815
Phải trả người bán	106	118	139	140	150
Nợ ngắn hạn khác	172	258	299	275	315
Tổng nợ ngắn hạn	1,112	1,297	1,279	1,251	1,305
Nợ dài hạn	0.84	0.89	1.18	1.11	1.25
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0.84	0.89	1.18	1.11	1.25
Tổng nợ phải trả	1,122	1,309	1,297	1,267	1,324
Vốn chủ sở hữu	2,029	2,168	2,353	2,590	2,886
Lợi ích cổ đông thiểu số	205	298	344	328	367
Tổng vốn chủ sở hữu	2,234	2,466	2,696	2,918	3,253
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,356	3,775	3,993	4,185	4,577
BVPS (đ)	31,026	33,151	35,978	39,615	44,134
Nợ thuần/(tiền mặt)	373	(175)	92.9	(72.1)	(423)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	293	363	316	389	452
Khấu hao	(154)	(184)	(153)	(143)	(160)
Lãi vay thuần	11.5	58.9	82.4	73.7	82.3
Thuế TNDN đã nộp	(2.26)	(0.81)	(4.84)	(3.31)	(3.78)
Thay đổi vốn lưu động	(211)	80.7	(308)	(67.9)	32.9
Khác	(55.4)	(48.1)	(163)	(178)	(198)
LCT thuần từ HKKD	207	601	35.0	311	472
Đầu tư TS dài hạn	(218)	(114)	(90.7)	(90.7)	(90.7)
Góp vốn & đầu tư	(378)	(352)	(140)	(56.0)	(67.2)
Thanh lý	2.93	0.20	0	0	0
Khác	87.9	554	141	134	151
LCT thuần từ HĐĐT	(505)	87.7	(89.7)	(12.4)	(7.39)
Cổ tức trả cho CSH	(143)	(151)	(131)	(131)	(131)
Thu từ phát hành CP	0	111	0	0	0
Tăng/giảm nợ	306	79.1	(168)	(2.53)	17.3
Khác	0	(111)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	163	(72.0)	(299)	(133)	(113)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	452	1,077	724	889	1,240
LCT thuần trong kỳ	(135)	617	(354)	165	351
Ảnh hưởng của tỷ giá	1.22	8.70	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	318	1,703	370	1,054	1,591
Dòng tiền tự do	(10.6)	487	(55.6)	220	381

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	9.69	10.9	9.56	10.4	10.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.79	7.90	5.88	7.00	7.20
Tỷ suất LNT (%)	5.43	4.39	3.96	4.86	5.01
Thuế TNDN hiện hành (%)	0.74	0.19	1.22	0.72	0.71
Tăng trưởng doanh thu (%)	(10.8)	35.9	15.3	(4.75)	12.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	11.6	22.1	(14.2)	13.4	15.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(10.2)	10.0	3.89	16.8	15.6
Tăng trưởng EPS (%)	(10.2)	10.0	3.89	16.8	15.6
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(10.2)	10.0	3.89	16.8	15.6
Tăng trưởng DPS (%)	(20.0)	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	47.4	43.0	41.4	35.5	30.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	14.0	14.5	14.0	14.9	15.6
ROACE (%)	13.4	15.4	12.2	13.8	14.6
Vòng quay tài sản (lần)	1.60	1.94	2.05	1.86	1.94
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.71	1.66	0.11	0.80	1.04
Số ngày tồn kho	79.4	59.4	60.5	65.2	59.6
Số ngày phải thu	39.1	21.9	26.8	29.4	26.1
Số ngày phải trả	8.44	7.00	7.06	7.53	7.21
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	18.5	(7.37)	4.66	(2.31)	(14.1)
Nợ/tài sản (%)	24.7	24.3	20.9	19.8	18.2
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.85	1.68	1.78	1.56	1.36
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.91	2.04	2.21	2.46	2.70
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.53	0.31	0.30	0.29	0.22
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.99	3.90	5.12	4.20	3.07
P/E (lần)	8.35	7.59	7.30	6.25	5.41
P/E ĐC (lần)	8.35	7.59	7.30	6.25	5.41
P/B (lần)	1.14	1.06	0.98	0.89	0.80
Lợi suất cổ tức (%)	5.67	5.67	5.67	5.67	5.67

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn